



Phiếu an toàn hóa chất

111YCN




SDS Bản sửa đổi

Ngày tháng: 03/01/2023

1. TÊN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm / Mã số sản phẩm : 111YCN
Tên khác: -
Phạm vi và giới hạn sử dụng: Tham khảo bảng thông số kỹ thuật
Điện thoại và địa chỉ của nhà sản xuất cung ứng : CÔNG TY TNHH NAN PAO MATERIALS VIETNAM Lô A4, A5, A10, A11, đường Đại Đăng 3, KCN Đại Đăng, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810
Điện thoại khẩn/ Fax : +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810

2. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT NGUY HIỂM

Phân loại hóa chất độc hại		
Dung dịch dễ cháy loại 2; H225	Dung dịch và hơi có khả năng bắt lửa cao	
Độc tính cấp tính-Đường miệng loại 4, H302	Có hại nếu nuốt phải	
Chất gây bong/ kích ứng da loại 2; H315	Gây kích ứng da	
Gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2; H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng	
Tác nhân gây ung thư loại 2, H351	Nghi ngờ gây ung thư	
Độc tính cơ quan đích cụ thể sau 1 lần phơi nhiễm; kích ứng đường hô hấp loại 3; H335	Có thể gây kích ứng đường hô hấp Cơ quan chỉ định: (Không thể lấy dữ liệu)	
Độc tính cơ quan đích cụ thể sau 1 lần phơi nhiễm; hiệu ứng tê liệt loại 3; H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt	
Nội dung nhãn dán		
Phân loại nguy hiểm của Đài Loan		
Nhãn dán		
		
Dễ cháy	Nguy hại	Nguy hại sức khỏe
Cảnh báo: Nguy hiểm		
Cảnh báo nguy hiểm :		
H225 Dung dịch và hơi có khả năng bắt lửa cao		
H302 Có hại nếu nuốt phải		

H315 Gây kích ứng da
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
H351 Nghi ngờ gây ung thư

Phòng tránh nguy hiểm :

[Phòng tránh]:

P201 Cần được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
P210 Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc.
P233 Giữ thùng chứa được đóng kín.
P235 Giữ lạnh.
P240 Nổi đất / kết nối thùng chứa và thiết bị hỗ trợ.
P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/thiết bị chống cháy nổ.
P242 Chỉ được dùng với các dụng cụ không phát ra tia lửa.
P243 Sử dụng các biện pháp chống tĩnh, đeo gang tay và khẩu trang thích hợp.
P261 Tránh hít dạng bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun.
P264 Rửa tay kỹ sau khi xử lý.
P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực có hệ thống hút.
P280 Mang găng tay bảo vệ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

[Xử lý khi gặp sự cố]:

P301+312 Nếu NUỐT PHẢI: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ /nhân viên y tế nếu cảm thấy không khỏe.
P302+352 Nếu bị dính vào da: Dùng một lượng lớn xà phòng và nước nhẹ nhàng rửa sạch.
P303+361+353 Nếu da (hoặc tóc) dính phải: Lập tức cởi bỏ tất cả đồ bị nhiễm bẩn. Dùng nước tẩy/ rửa sạch da.
P304+340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp.
P305+351+338 Nếu văng vào mắt: Rửa sạch cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có thể. Tiếp tục rửa mắt. Nếu cảm thấy không khỏe, ngay lập tức gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ.
P308+313 NẾU tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không khỏe: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ / nhân viên y tế
P312 Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ/ nhân viên y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
P313 Hỏi ý kiến tư vấn y tế
P330 Nếu nuốt phải: Súc miệng.
P332+313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P337+313 Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm sự tư vấn hoặc chăm sóc y tế.

P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, sau khi giặt sạch có thể sử dụng lại.

P370+378 Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng phương tiện chữa cháy được liệt kê trong mục số 5 của SDS để dập lửa.

[Bảo quản]:

P403+233 Đặt tại nơi thông gió tốt. Đậy kín thùng chứa

P403+235 Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ mát.

P405 Khóa nắp chặt để lưu trữ.

[Phế thải]:

P501 Xử lý vớt bỏ phế thải và thùng chứa rỗng theo quy định của địa phương và quốc gia.

Mối nguy hại khác: Sản phẩm này không bao gồm hóa chất PBT/vPvB

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT NGUY HIỂM

DẠNG HỖN HỢP :

Thành phần và phân loại nguy cơ GHS của sản phẩm:

Tính chất hóa học :			
Thành phần hóa chất	Số CAS	Nồng độ/ (%)	Phân loại theo quy định ở Đài Loan *
Tetrahydrofuran	Số CAS: 0000109-99-9 Số EC.: 203-726-8 Số Index: 603-025-00-0	25 - 30	Dung dịch dễ cháy loại 2 H225 Độc tính cấp tính-Đường miệng loại 4, H302 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2 H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm 1 lần); hiệu ứng tê liệt loại 3 H336 Nghỉ ngơi gây ung thư loại 2 H351
Ethyl acetate	Số CAS: 0000141-78-6 Số EC.: 205-500-4 Số Index: 607-022-00-5	1 - 5	Dung dịch dễ cháy loại 2 H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2 H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm 1 lần); hiệu ứng tê liệt loại 3 H336
Methyl ethyl ketone	Số CAS: 0000078-93-3 Số EC.: 201-159-0 Số Index: 606-002-00-3	45 - 50	Dung dịch dễ cháy loại 2 H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2 H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm 1 lần); hiệu ứng tê liệt loại 3 H336

Acetone	Số CAS: 0000067-64-1 Số EC.: 200-662-2 Số Index: 606-001-00-8	20 – 25	Dung dịch dễ cháy loại 2;H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2;H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể sau 1 lần phơi nhiễm; hiệu ứng tê liệt loại 3;H336
---------	---	---------	--

Các thành phần không nguy hiểm

Chỉ định thành phần / hóa chất (số CAS)	Nồng độ (%)	Phân loại GHS
Polyurethane resin Số CAS: 0052270-22-1	1-5	Không nằm trong phân loại nguy hiểm

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu đối với các đường tiếp xúc khác nhau:
Chung : Trong tất cả các trường hợp nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng vẫn tiếp tục, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Không được cho bất cứ thứ gì vô miệng của người đang bất tỉnh.
Hít vào: Đưa người bệnh đến nơi không khí trong lành. Nếu như khó thở, lập tức cho thở Oxy, nếu ngừng thở, lập tức hô hấp nhân tạo và đưa đi chữa trị, không cho ăn bất cứ thứ gì.
Tiếp xúc với da : Dùng nước và xà phòng rửa sạch, giày và quần áo ô nhiễm cần phải được cởi bỏ. Giặt sạch trước khi mặc và khi thấy ngứa phải đi chữa trị.
Tiếp xúc với mắt: Lập tức lật mí mắt trên và mí mắt dưới dùng nước rửa trên 15 phút, đồng thời đưa đi chữa trị ngay.
Nuốt vào: Tránh ép nôn, lập tức sơ cứu, để nạn nhân nghỉ ngơi, sau đó đưa đi chữa trị.
Những triệu chứng chủ yếu và ảnh hưởng độc hại: Chung : Tiếp xúc với nồng độ hơi dung môi của các thành phần vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp quy định có thể có những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, chẳng hạn như viêm niêm mạc và hệ thống hô hấp, ảnh hưởng xấu đến thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng bao gồm nhức đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ, hôn mê và trong trường hợp nghiêm trọng là mất ý thức. Tiếp xúc nhiều lần hoặc lâu dài với sản phẩm có khả năng gây khô da, kích ứng hoặc viêm da tiếp xúc không dị ứng. Dung môi cũng có thể được hấp thụ qua da. Chất lỏng bắn vào mắt có thể gây kích ứng, đau đớn và các vết thương có thể chữa lành khác. Hít vào : Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt Tiếp xúc với mắt : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Tiếp xúc với da:

Gây kích ứng da

Nuốt phải:

Nuốt phải có hại

Phòng hộ của nhân viên cấp cứu: Nhân viên cứu hộ cần phải mặc quần áo bảo hộ loại C và di chuyển người, vật ra khu vực an toàn.

Lưu ý cho bác sĩ:

Điều trị đúng theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY:

Chất chữa cháy: Dùng nước xịt, dạng bột, hóa chất làm khô, carbon dioxide.

Những nguy hiểm có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy :

Nguy hiểm khi phân hủy: Carbon Dioxide, Carbon Monoxide

Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần, bề mặt nóng – Cấm hút thuốc.

Giữ kín thùng chứa.

Giữ lạnh.

Nồi đất / kết nối thùng chứa và thiết bị hỗ trợ.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/thiết bị chống cháy nổ.

Chỉ được dùng với các dụng cụ không phát ra tia lửa.

Sử dụng các biện pháp chống tĩnh, đeo gang tay và khẩu trang thích hợp.

Tránh hít thở bụi/ khói/ khí/ sương mù/ hơi/ hơi nước.

Các phương pháp chữa cháy đặc biệt:

NA

Bảo hộ cho nhân viên cứu hỏa:

Như với tất cả các đám cháy, hãy đeo thiết bị thở áp suất dương, khép kín, (SCBA) với đầy đủ khẩu trang và quần áo bảo hộ. Những người không có thiết bị bảo vệ đường hô hấp nên rời khỏi khu vực. Mang SCBA trong quá trình dọn dẹp ngay sau khi hỏa hoạn. Cấm hút thuốc.

6. BIỆN PHÁP TRÁNH TAI NẠN:

Cảnh báo cá nhân:

Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp (xem mục số 8).

Cảnh báo môi trường :

Không để hóa chất tràn vào cống rãnh hoặc đường nước.

Tạo thói quen vệ sinh cá nhân sạch sẽ. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Nhanh chóng loại bỏ quần áo bẩn và giặt kỹ trước khi sử dụng lại.

Biện pháp vệ sinh:

Thông gió cho khu vực và tránh hít phải hơi. Thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân được liệt kê trong mục số 8. Lau và thấm hóa chất tràn bằng vật liệu không cháy, ví dụ: cát, đất và vermiculite. Đặt trong các thùng chứa kín bên ngoài các tòa nhà và xử lý theo Quy định về Chất thải.(tham khảo mục 13). Tốt nhất nên dùng

chất tẩy rửa để tẩy rửa. Không nên dùng dung môi. Không được để hóa chất tràn đổ chảy vào cống rãnh và nguồn nước. Nếu sông suối, ao hồ bị ô nhiễm, hãy báo cho Cục quản lý và bảo vệ môi trường.

7. CÁCH XỬ LÝ AN TOÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN

Tính ổn định :
Xem mục 2 để biết thêm chi tiết. - [Phòng ngừa]:

Bảo quản :
Xử lý thùng chứa cẩn thận để tránh hư hỏng và tràn đổ.
Hóa chất cần tránh: không có dữ liệu
Xem mục 2 để biết thêm chi tiết. - [Bảo quản]:

8. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA PHƠI NHIỄM

Kiểm soát kỹ thuật:
Cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ. Trong trường hợp khả thi, nên sử dụng thiết bị thông gió tại chỗ. Nếu điều này không đủ để duy trì nồng độ của các hạt dưới bất kỳ giới hạn hơi tiếp xúc nghề nghiệp nào, thì nên đeo mặt nạ phòng độc thích hợp.

Thông số kiểm soát					
Thành phần	Bình quân nồng độ cho phép trong 8 tiếng	Bình quân nồng độ cho phép trong khoảng thời gian ngắn	Nồng độ cho phép cao nhất	Quy phạm khác	
0000109-99-9 / Tetrahydrofuran	200 ppm TWA; 590 mg/m3 TWA	250 ppm 737 mg/m3	NA	ACGIH	NA
				NIOSH	NA
0000067-64-1 / Acetone	200 ppm TWA; 475 mg/m3 TWA	250 ppm 593.75 mg/m3	NA	ACGIH	TWA: 500 ppmSTEL: 750 ppm
				NIOSH	250 ppm (590 mg/m3) TWA
0000078-93-3 / Methyl ethyl ketone	200 ppm TWA; 590 mg/m3 TWA	250 ppm 737.5 mg/m3	0.02 ppm, 0.2 mg/m3	ACGIH	TWA: 50 ppmSTEL: 100 ppm
				NIOSH	TWA 200 ppm (590 mg/m3) ST 300 ppm (885 mg/m3)
0000141-78-6 / Ethyl acetate	400 ppm TWA; 1440 mg/m3 TWA	500 ppm 1440 mg/m3	NA	ACGIH	TWA: 150 ppm
				NIOSH	TWA 400 ppm (1400 mg/m3)
Thành phần		BEI			
0000109-99-9 / Tetrahydrofuran		Hàm lượng THF trong nước tiểu sau khi làm việc là 2mg/L (Ns)			
0000078-93-3 /Methyl ethyl ketone		Hàm lượng MEK trong nước tiểu sau khi làm việc là 2mg/L (Ns)			
0000067-64-1 / Acetone		Hàm lượng ACE trong nước tiểu là 50mg/L (Ns)			
0000141-78-6 /Ethyl acetate		NA			

Thiết bị bảo vệ cá nhân :
Bảo vệ hô hấp :
Nếu tiếp xúc vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì sử dụng mặt nạ thích hợp và đã qua kiểm nghiệm để bảo vệ.

Bảo vệ tay : Đeo bao tay PVC hoặc bao tay cao su, làm giảm sự tiếp xúc da với hóa chất đến mức thấp nhất. Tham khảo thêm khuyến nghị của nhà sản xuất về việc sử dụng găng tay thích hợp.
Bảo vệ mắt : Đeo kính bảo hộ có tấm chắn hai bên để bảo vệ mắt. Tạo lập môi trường làm việc tốt, kiến nghị lắp đặt 1 máy rửa mắt cố định.
Bảo vệ da và cơ thể : Tránh tiếp xúc với da.
Biện pháp vệ sinh: Tạo thói quen vệ sinh cá nhân, sau khi tiếp xúc với hóa chất tràn đổ, phải rửa tay sạch sẽ trước khi ăn uống hoặc đi vệ sinh. Kịp thời cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn, nên giặt sạch trước khi mặc lại.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại quan (trạng thái, màu sắc...vv) : Dung dịch màu vàng nhạt	Mùi vị : mùi ketone
Ngưỡng gây mùi : NA	Điểm tan chảy : NA
Giá trị pH: NA	Điểm sôi/ khoảng sôi : 69.5°C
Khả năng bắt lửa (thể rắn, thể khí) : NA	Điểm chớp cháy: Cách thử (Cốc đóng hoặc mở): -2°C (cốc kín)
Nhiệt độ phân hủy : NA	Giới hạn bốc cháy : 1.8-12.8%
Nhiệt độ tự bốc cháy : 320°C	Mật độ hơi : 2.5 (Air =1)
Áp suất hơi : 53-180 mmHg/20°C	Độ tan : không tan
Tỷ trọng (nước=1) : 0.85	Mức độ bay hơi : NA
Hệ số phân bố (n-octanol/nước,log Kow) : NA	Tính chất cháy nổ : NA
Tính oxy hóa : NA	Ngưỡng gây mùi(đầu dò) : NA
Ngưỡng gây mùi (cảm giác) : NA	

10. KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG VÀ TÍNH ỔN ĐỊNH

Tính ổn định : Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.

Tính an toàn hóa học : Ổn định trong điều kiện bình thường.
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong trường hợp đặc biệt: NA
Trường hợp cần tránh : Tránh nhiệt độ vượt quá điểm chớp cháy hoặc tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
Hoá chất nên tránh : Không có dữ liệu
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : carbon monoxide và carbon dioxide.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Con đường tiếp xúc / triệu chứng :		
Con đường tiếp xúc	Cấp độ	Triệu chứng
Độc cấp tính (Nuốt phải)	4	Nuốt phải có hại
Bỏng/ kích ứng da	2	Gây kích ứng da
tổn thương nghiêm trọng/kích ứng mắt	2	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
Chất gây ung thư	2	Nghi ngờ gây ung thư
Phơi nhiễm 1 lần	3	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
Phơi nhiễm 1 lần	3	Có thể gây kích ứng đường hô hấp Cơ quan chỉ định: không thể lấy dữ liệu

Độc cấp tính Tiếp xúc với nồng độ hơi dung môi của các thành phần vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp quy định có thể có những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, chẳng hạn như viêm niêm mạc và hệ thống hô hấp và ảnh hưởng xấu đến thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng bao gồm nhức đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ, hôn mê và trong trường hợp nghiêm trọng là mất ý thức. Tiếp xúc nhiều lần hoặc lâu dài với sản phẩm có khả năng gây khô da, kích ứng hoặc viêm da tiếp xúc không dị ứng. Dung môi cũng có thể được hấp thụ qua da. Chất lỏng bắn vào mắt có thể gây kích ứng và đau đớn và các vết thương có thể chữa lành khác.

Thành phần	Đường miệng LD50, mg/kg	Da LD50, mg/kg	Hít vào hơi LC50, mg/L/4hr	Hít vào Bụi / sương mù LC50, mg/L/4hr	Hít vào dạng khí LC50, ppm
Acetone - (67-64-1)	5,800.00, chuột – cấp độ nguy hại: không	7,426.00, thỏ - cấp độ nguy hại: không	76.00, chuột –cấp độ nguy hại: không	50.10, chuột - cấp độ nguy hại: không	NA
Tetrahydrofuran - (109- 99-9)	1,6500.00, chuột - cấp độ nguy hại: NA	NA	24,000.00, chuột - cấp độ nguy hại: NA	NA	NA

Methyl ethyl ketone - (78-93-3)	NA	6,480.00, thô - cấp độ nguy hại: NA	32.00, chuột – cấp độ nguy hại: NA	NA	NA
Ethyl acetate - (141-78-6)	4,934.00, chuột - cấp độ nguy hại: 5	20,001.00, thô - cấp độ nguy hại: NA	58.60, chuột - cấp độ nguy hại: NA	NA	NA

Lưu ý: Nếu dữ liệu LD50 của đường dùng cụ thể không có sẵn cho độc tính cấp tính, khi tính toán sản phẩm ATE (Ước tính độc cấp tính) có thể sử dụng điểm ước tính độc cấp tính.

Dữ liệu về chất gây ung thư			
Số CAS	Thành phần	Nguồn tư liệu	Giá trị
0000109-99-9	Tetrahydrofuran	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không; Nhóm 2A: Không; Nhóm 2B: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;
0000067-64-1	Acetone	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không; Nhóm 2A: Không; Nhóm 2B: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;
0000078-93-3	Methyl ethyl ketone	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không có; Nhóm 2A: Không có; Nhóm 2B: Không có; Nhóm 3: Không có; Nhóm 4: Không có;
0000141-78-6	Ethyl acetate	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không có; Nhóm 2A: Không có; Nhóm 2B: Không có; Nhóm 3: Không có; Nhóm 4: Không có;

Độc mãn tính hoặc độc tính lâu dài : NA

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái				
Sản phẩm này không có tài liệu bổ sung khác. Thông tin riêng về các thành phần hóa chất có thể tham khảo ở mục số 3.				
Thành phần	96 h LC50 cá, mg/l	48 h EC50 giáp xác, mg/l	ErC50 Rong biển, mg/l	Khả năng phân hủy sinh học %
Tetrahydrofuran - (109-99-9)	2,160.00, cá tuế đầu bẹt	3,845.00, rận nước	NA	0.00
Acetone - (67-64-1)	8,120.00, Pimephales promelas	8,800.00, Daphnia pulex	7,000.00 (96 hr), Pseudokirchneriella subcapitata	90.90
Methyl ethyl ketone - (78-93-3)	2,993.00, cá tuế đầu bẹt	308.00, rận nước	2,029.00 (96 h), Pseudokirchnerella subcapitata	98.00
Ethyl acetate - (141-78-6)	230.00, cá tuế đầu bẹt	100.00, rận nước	>100.00 (72 h), vi tảo Desmodesmus subspicatus	60.00

Sự tích tụ và chu kỳ phân rã : không có dữ liệu liên quan.

Khả năng tích lũy sinh học : không có dữ liệu liên quan.
Ảnh hưởng đến độ màu mỡ của đất : không có dữ liệu liên quan.
Kết quả đánh giá PBT và vPvB : sản phẩm này không bao gồm hóa chất PBT/vPvB
Những ảnh hưởng khác : không có dữ liệu liên quan.

13. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ PHẾ THẢI

Các phương pháp xử lý chất thải: Tuân thủ tất cả các quy định trước khi thải bỏ chất này.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

	DOT	IMO / IMDG	ICAO/IATA
Số UN	UN1993	UN1993	UN1993
Tên vận chuyển UN	Chất lỏng dễ cháy	Chất lỏng dễ cháy (Methyl ethyl ketone, Ethyl acetate, Acetone, Tetrahydrofuran)	Chất lỏng dễ cháy (Methyl ethyl ketone, Ethyl acetate, Acetone, Tetrahydrofuran)
Phân loại độc tính	DOT Hazard Class: 3	IMDG: 3 Sub Class: NA	Air class: 3
Thể loại đóng gói	II	II	II
Số hướng dẫn ERG	128		
Gây ô nhiễm biển (Có / Không)	Không		
Quy định đặc biệt khi vận chuyển:	NA		

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT

Quy định áp dụng: : Luật an toàn vệ sinh lao động Luật quản lý các chất hóa học độc hại và đáng lo ngại Tiêu chuẩn tiếp xúc cho phép ở nơi làm việc Ghi nhãn hóa chất nguy hiểm và các quy tắc kiến thức chung Các biện pháp quản lý chi định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên Phương pháp xử lý, loại bỏ và lưu giữ chất thải công nghiệp
Các biện pháp quản lý đối với việc vận chuyển các chất độc hại và hóa chất cần quan tâm: Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên 1. Các hóa chất được chỉ định tại Điều 2, khoản 2, mục 1:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên 1. Các hóa chất được chỉ định tại Điều 2, khoản 2, mục 2:

Acetone
Ethyl acetate
Methyl ethyl ketone
Tetrahydrofuran

Dung môi hữu cơ OSHA:

Acetone
Ethyl acetate
Methyl ethyl ketone
Tetrahydrofuran

Các chất hóa học cụ thể, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các chất quản lý được chỉ định, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các chất được quản lý cụ thể, Taiwan OSHA:

Acetone
Ethyl acetate
Methyl ethyl ketone
Tetrahydrofuran

Giám sát môi trường hoạt động dung môi hữu cơ, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Hồ sơ giám sát của các chất hóa học được lưu giữ trong 30 năm, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Nguồn gốc tư liệu	1. Trang web Bộ Lao động Cơ quan Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp và Hệ thống Hòa giải Toàn cầu Hóa chất GHS(http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx) 2. Trang web về các chất hóa học độc hại của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (http://www.epa.gov.tw/np.asp?ctNode=31422&mp=epa) 3. Trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (http://echa.europa.eu/)
Người lập biểu	Chức vụ Trợ lý Tên (Chữ ký) Lê Thị Trâm

Ngày lập biểu	2022-01-03
----------------------	------------

Ghi chú	Thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là chính xác. Tuy nhiên, không cung cấp bất kỳ hình thức bảo đảm nào đối với thông tin có trong tài liệu này. Chúng tôi không chịu trách nhiệm và từ chối mọi trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ tác động có hại nào có thể gây ra khi tiếp xúc với sản phẩm của chúng tôi trong trường hợp sản phẩm này bị tiết lộ ra ngoài. Khách hàng / người sử dụng sản phẩm này phải tuân thủ tất cả các luật, quy định và điều lệnh hiện hành về sức khỏe và an toàn.
----------------	--

End of Document